

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Ngọc và anh Phương”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công Hào.

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Anh Đoàn Đức P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - chị Lê Thị Bích N xin xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-02-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, chị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Đức P lấy nhau năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Thời gian chung sống hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2021 đến nay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, hay cãi vã, anh P thường xuyên đánh đập, hăm dọa chị, hai người còn chung sống nhưng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đoàn Ngọc An N1, sinh ngày 04/11/2016. Khi ly hôn, chị xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn - anh Đoàn Đức P vắng mặt:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh P theo đúng quy định nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, 228, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân của chị N và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Giao cháu Đoàn Ngọc An N1, sinh ngày 04/11/2016 cho chị N nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Lê Thị Bích N khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đoàn Đức P và giải quyết vấn đề con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn – anh Đoàn Đức P có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:

Chị Lê Thị Bích N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Đoàn Đức P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng cố tình vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Bích N và anh Đoàn Đức P tự nguyện tiến đến hôn nhân, hai người lấy nhau năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2011. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị N trình bày nguyên nhân vì bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, anh P hay đánh đập chị, hai người còn sống chung nhưng mâu thuẫn đến mức trầm trọng,... nên đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh P. Quá trình giải quyết, anh P đã được niêm yết họp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh đến Tòa giải quyết nhưng anh cố tình vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày mặc dù anh vẫn còn sống tại địa phương nơi cư trú. Xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh chị còn chung sống nhưng xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa chị N và anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị N và anh P có 01 con chung là cháu Đoàn Ngọc An N1, sinh ngày 04/11/2016. Khi ly hôn, chị N xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu N1 vẫn đang do chị N nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Hơn nữa, cháu là con gái, việc phát triển tâm sinh lý cần có mẹ bên cạnh giáo dục, quan tâm. Do đó, xét ý kiến của chị N, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và qua tham khảo ý kiến của địa phương, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận ý kiến của chị N, giao cháu Đoàn Ngọc An N1, sinh ngày 04/11/2016 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu

anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Lê Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Chị Lê Thị Bích N và anh Đoàn Đức P được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích N.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Bích N, sinh năm 1989 và anh Đoàn Đức P, sinh năm 1985.

- *Về nuôi con chung:* Giao con chung là cháu Đoàn Ngọc An N1, sinh ngày 04/11/2016 cho chị Lê Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Anh Đoàn Đức P không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Ngọc An N1.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

Chị Lê Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0006130 ngày 21/3/2023. Chị Lê Thị Bích N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Nguyên đơn – chị Lê Thị Bích N và bị đơn – anh Đoàn Đức P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND xã Quảng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thùy Dung